

Bản án số: 01/2019/HS-PT

Ngày: 03-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**.

Các Thẩm phán: 1. Bà **Hoàng Thị Thơ**;

2. Ông **Lê Thanh Vân**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Minh Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 106/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Lê Quốc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2018/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Quốc T, sinh ngày 15/9/1984 tại Tiền Giang.

Nơi cư trú: ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Lê Thị Kim N; bị cáo có vợ tên Trần Thị Bích P và có 01 con; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra bản án có 05 bị hại; 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quốc T là tài xế thường đỗ xe ô tô tải biển số 63C – xxx.xx tại bãi đỗ xe phía sau Trạm xăng dầu số 09 thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xăng dầu H, địa chỉ đường A, Phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. T để ý thấy có nhiều ô tô

đổ trong bãi nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp bình ắc quy trên các xe ô tô bán lấy tiền để tiêu xài. Để thực hiện ý định, khoảng 03 giờ 30 phút ngày 28/11/2017, T điều khiển xe ô tô tải biển số 63C – xxx.xx đến bãi đỗ xe phía sau Trạm xăng dầu số 09 thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xăng dầu H. Tại đây, T lén lút sử dụng chìa khóa số 12 và 13 đem sẵn lần lượt tháo trộm:

- 02 bình ắc quy hiệu GS loại 70Ah trên ô tô tải biển số 29KT – yyy.yy thuộc sở hữu của Công ty cổ phần bưu chính V (xe do anh Đào Thanh P quản lý, sử dụng).

- 01 bình ắc quy hiệu GS loại 100 Ah và 01 bình ắc quy hiệu GS loại 120Ah trên xe ô tô tải biển số 63C – zzz.zz và xe ô tô tải biển số 63C- iii.ii của anh Thái Nguyễn Hoàng T.

- 02 bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 150Ah trên xe ô tô tải biển số 63C – ooo.oo của anh Nguyễn Văn M và 02 bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 150Ah trên xe ô tô tải biển số 63C – nnn.nn (xe này do anh M nhờ chị Nguyễn Thị Cẩm V đứng tên sở hữu).

- 02 bình ắc quy khô hiệu GOLD loại 80Ah trên xe ô tô tải biển số 63C – vvv.vv của chị Mai Thị Minh T.

- 02 bình ắc quy hiệu GS loại 150Ah trên xe ô tô biển số 54S – aaaa của anh Lại Ngọc H. Xe do Công ty cổ phần ô tô vận tải số 05, địa chỉ: đường K, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên sở hữu.

Sau đó, T khiêng 12 bình ắc quy vừa trộm của 07 xe ô tô trên để lên xe ô tô tải biển số 63C – xxx.xx chở đi tìm nơi tiêu thụ thì bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố M, tỉnh Tiền Giang phát hiện nên T thừa nhận hành vi phạm tội và giao nộp 12 bình ắc quy đã chiếm đoạt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 305/ĐGTS ngày 06/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M, tỉnh Tiền Giang kết luận: 02 bình ắc quy hiệu GS loại 70Ah trị giá 2.450.000 đồng; 01 bình ắc quy hiệu GS loại 100 Ah trị giá 1.504.000 đồng; 01 bình ắc quy hiệu GS loại 120Ah trị giá 1.920.000 đồng; 04 bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 150Ah trị giá 8.800.000 đồng; 02 bình ắc quy hiệu GS loại 150Ah trị giá 4.160.000 đồng; 02 bình ắc quy khô hiệu GOLD loại 80Ah trị giá 3.120.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 21.954.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 91/2018/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Quốc T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử: Phạt bị cáo **Lê Quốc T 02 (hai) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2018, bị cáo Lê Quốc T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần tranh luận và luận tội, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm. Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cùng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không bổ sung thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, với mức hình phạt mà Tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T 02 (hai) năm tù là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2018/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quốc T đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã nêu, lời thừa nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai những bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: khoảng 03 giờ 30 phút ngày 28/11/2017, T điều khiển xe ô tô tải biển số 63C – xxx.xx đến bãi đỗ xe phía sau Trạm xăng dầu số 09 thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xăng dầu H. Tại đây, T lén lút sử dụng chìa khóa số 12 và 13 đem sẵn lần lượt tháo trộm 12 bình ắc quy các loại trên 07 xe ô tô tải đậu tại bãi đỗ xe phía sau Trạm xăng dầu số 09 thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xăng dầu H, địa chỉ đường A, Phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, sau đó, T khiêng 12 bình ắc quy vừa trộm của 07 xe ô tô trên để lên xe ô tô tải biển số 63C – xxx.xx chở đi tìm nơi tiêu thụ thì bị phát hiện nên T quay về đầu thú, thừa nhận hành vi phạm tội và giao nộp 12 bình ắc quy đã chiếm đoạt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 305/DGTS ngày 06/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản Thành phố M, tỉnh Tiền Giang kết luận: Tổng giá trị tài sản (12 bình ắc quy) chiếm đoạt là 21.954.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ bị cáo là người đã thành niên, ý thức được lấy trộm tài sản của người khác là phạm pháp, sẽ bị pháp luật trừng trị, thế nhưng chỉ vì động cơ xấu, muốn có tiền mà không phải lao

động cực nhọc, bị cáo đã thực hiện việc lấy cắp tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây ra tâm lý hoang mang lo sợ, bức xúc trong nhân dân, với tính chất mức độ nguy hiểm trên cần phải được xử lý nghiêm khắc hành vi này mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về mức án: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm đối với xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tuy nhiên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đánh giá chưa đúng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù là chưa phù hợp:

- Sau khi lấy trộm 12 bình ắc quy, trên đường đem đi tiêu thụ thì bị cáo nhận được điện thoại của vợ bị cáo báo là bị phát hiện và đã quay về đầu thú và giao nộp tất cả tài sản chiếm đoạt cho cơ quan điều tra, nhưng cấp sơ thẩm không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở điểm h khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót.

- Bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, bị truy tố và xét xử ở khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự nhưng cũng không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ ở điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi bị cáo.

Tổng giá trị tài sản (12 bình ắc quy) bị cáo chiếm đoạt là 21.954.000 đồng, có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm lại xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là nghiêm khắc, không tương xứng với hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa 01 phần bản án sơ thẩm về mức hình phạt.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp 02 đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của 02 bị hại trong vụ án, đây là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh nên Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Tại phiên tòa, bị cáo T có ý kiến cho rằng, hiện nay kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, cha mẹ đang bị bệnh, mất khả năng lao động, đang nuôi con nhỏ, bị cáo là lao động chính nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo. Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, có thể cải tạo, giáo dục tại địa phương, nhưng cho bị cáo hưởng án treo là chưa phù hợp với quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và không có tác dụng răn đe nên không được Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Lê Quốc T.**

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 91/2018/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Quốc T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử: Phạt bị cáo **Lê Quốc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, căn cứ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thành phố M;
- VKSND thành phố M;
- Công an thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng